

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn L;

Địa chỉ liên hệ: ấp M1, xã M2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Chị Bùi Ngọc T;

Địa chỉ: ấp M3, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Ngọc T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Ngọc T thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Ngọc T thỏa thuận và thống nhất như sau:

- Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: 17 (mười bảy) chỉ vàng 24 Kara và số tiền 80.000.000 đồng, hiện tại chị T đang cất giữ. Trong đó, có 01 (một) chỉ vàng 24 Kara là đôi bông cưới.

- Việc phân chia tài sản chung cụ thể:

+ Anh Nguyễn Văn L được chia 08 (tám) chỉ vàng 24 Kara, giá trị tương đương là $08 \times 5.415.000 \text{ đồng} = 43.320.000 \text{ đồng}$ và số tiền 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 83.320.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Chị Bùi Ngọc T được chia 09 (chín) chỉ vàng 24 Kara, giá trị tương đương là $09 \times 5.415.000 \text{ đồng} = 48.735.000 \text{ đồng}$ và số tiền 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 88.735.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Do toàn bộ tài sản chung chị Bùi Ngọc T cất giữ nên chị Bùi Ngọc T có nghĩa vụ giao trả cho anh Nguyễn Văn L 08 (tám) chỉ vàng 24 Kara, giá trị tương đương là $08 \times 5.415.000 \text{ đồng} = 43.320.000 \text{ đồng}$ và số tiền 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 83.320.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) 01 (một) lần vào ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Trường hợp khi đến kỳ hạn ngày 20 tháng 11 năm 2020 nêu trên, chị Bùi Ngọc T không thực hiện đúng như cam kết thì anh Nguyễn Văn L có quyền yêu cầu chị Bùi Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo như cam kết. Kể từ ngày anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Bùi Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng chị Bùi Ngọc T còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Ngọc T thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn L chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và 2.083.000 đồng (Hai triệu, không trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí về chia tài sản chung khi ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.490.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006168 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Anh Nguyễn Văn L được hoàn lại số tiền còn thừa là 257.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

- Chị Bùi Ngọc T chịu 2.218.375 đồng (Hai triệu, hai trăm mười tám nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng) án phí về chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Luân